

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2022/DS-ST**
Ngày: 01-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Trần Thu Trang.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 01 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Lê Kim L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- ***Bị đơn:*** Anh Dương Quốc V, sinh năm 1981 và chị Huỳnh Thị Khánh L, sinh năm 1988. Cùng địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt chị L và chị L, vắng mặt anh V)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Kim L trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 10/7/2019 chị có cho vợ chồng chị Huỳnh Thị Khánh L và anh Dương Quốc V vay số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), có thỏa thuận lãi suất và đóng theo tháng. Sau khi vay, vợ chồng anh V và chị L không trả lãi và gốc. Sau đó, hai bên có chốt nợ gốc và lãi là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), vợ chồng anh V và chị L trả được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và hiện nay còn nợ 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), chị yêu cầu vợ chồng chị Huỳnh Thị Khánh L và anh Dương Quốc V trả cho chị số nợ

150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/5/2022 bị đơn chị Huỳnh Thị L trình bày:

Chị thừa nhận vào ngày 10/7/2019 vợ chồng chị có hỏi vay của chị L số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), có thỏa thuận lãi suất. Sau khi vay có đóng lãi 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), việc đóng lãi không có biên nhận. Đến năm 2020, chốt gốc và lãi là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và có trả được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và hiện còn nợ lại 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Nay không có khả năng trả nợ nên xin bớt, xin được trả 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), xin trả dần, 03 tháng trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi dứt nợ. Bị đơn anh Dương Quốc V vắng mặt nên không có ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy chứng minh nhân dân; Sổ hộ khẩu.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Kim L yêu cầu vợ chồng chị anh Dương Quốc V và chị Huỳnh Thị Khánh L trả cho chị tổng số nợ là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Chị L xác định quá trình vay, chị L có đóng lãi cho chị 01 lần 40.000.000đ trong 04 tháng đầu, sau đó không đóng và hai bên xác nhận nợ còn vốn và lãi là 200.000.000đ. Sau khi xác nhận nợ, chị L có trả thêm cho chị 50.000.000đ nên nay còn nợ 150.000.000đ.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Khánh L có ý kiến: Với yêu cầu của chị L vợ chồng chị đồng ý trả 70.000.000đ nữa là dứt nợ, xin trả mỗi tháng 2.000.000đ do vợ chồng chị đã trả cho chị L hai lần tổng cộng 90.000.000đ, việc trả nợ chỉ đưa qua tay không giấy tờ biên nhận gì và cũng không ai chứng kiến.

Bị đơn anh Dương Quốc V vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn vợ chồng chị anh Dương Quốc V và chị Huỳnh Thị Khánh L cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Lê Kim L khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị anh Dương Quốc V và chị Huỳnh Thị Khánh L trả nợ vay nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho vợ chồng chị L theo quy định của pháp luật nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải có mặt chị L, vắng mặt anh V nên các bên không thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử để xét yêu cầu của chị L đối với vợ chồng chị L. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng về việc mở phiên tòa cho vợ chồng chị L theo quy định của pháp luật nhưng anh Dương Quốc V vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn chị Lê Kim L và bị đơn chị Huỳnh Thị Khánh Lý yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh Dương Quốc V. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định xét xử vắng mặt anh Dương Quốc V.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả số nợ còn lại 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); ý kiến bị đơn chị L xác định có vay của chị L vào ngày 10/7/2019 số tiền 160.000.000đ nhưng đã trả được hai lần tổng cộng 90.000.000đ, nay chỉ đồng ý trả 70.000.000đ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy các đương sự đều thống nhất xác định nợ vay ban đầu vào ngày 10/7/2019 là 160.000.000đ, vay có lãi, đóng lãi theo tháng, quá trình vay đã trả được 40.000.000đ tiền lãi ở 04 tháng đầu; 08 tháng tiếp theo hai bên thỏa thuận nợ lãi 80.000.000đ chị L chưa đóng, chị L chỉ lấy 40.000.000đ nhập vào tiền vốn ban đầu thành nợ vốn là 200.000.000đ, sau đó chị L có trả cho chị L 50.000.000đ tiền vốn nên còn nợ lại 150.000.000đ; nội dung thỏa thuận, việc cho vay và trả nợ cả hai bên đương sự đều không làm giấy biên nhận gì cho nên xác định sự việc vay nợ và số nợ còn lại theo yêu cầu của chị L là có căn cứ.

Tại phiên tòa chị L cho rằng không đồng ý nhập số tiền lãi 40.000.000đ thành tiền vốn nên chỉ đồng ý trả tiền vốn còn lại 70.000.000đ. Xét ý kiến chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy bản thân chị ban đầu thừa nhận còn nợ chị L 150.000.000đ, xin bớt và trả 70.000.000đ; đồng thời chị cũng xác định nợ vay có lãi, nếu tính lãi từ ngày vay cho đến nay trên nợ vốn 160.000.000đ theo quy định pháp luật thì tiền lãi phát sinh cũng tương đương trên 90.000.000đ, nay chị L chỉ

yêu cầu trả 150.000.000đ không đồng ý với ý kiến chị L thì cũng phù hợp quy định pháp luật. Mặt khác, chị L cũng không yêu cầu tính lại số tiền vốn và lãi đã trả cho chị L. Do vậy, ý kiến chị L xin trả cho chị L 70.000.000đ nữa là dứt nợ Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Về lãi suất: Chị L không yêu cầu vợ chồng anh Dương Quốc V và chị Huỳnh Thị Khánh L tiếp tục trả lãi nên miễn xét.

Từ những nhận định nêu trên, trong quá trình thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Kim L. Buộc bị đơn vợ chồng anh Dương Quốc V và chị Huỳnh Thị Khánh L có nghĩa vụ trả cho chị Lê Kim L số nợ là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện nguyên đơn chị Lê Kim L được chấp nhận nên buộc bị đơn vợ chồng chị L có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí là $150.000.000đ \times 5\% = 7.500.000đ$ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo lai thu số 0004694 ngày 25/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên cho chị Lê Kim L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 145, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Kim L đối với bị đơn vợ chồng anh Dương Quốc V và chị Huỳnh Thị Khánh L yêu cầu trả số nợ 150.000.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị đơn vợ chồng anh Dương Quốc V và chị Huỳnh Thị Khánh L trả cho nguyên đơn chị Lê Kim L số tiền còn nợ là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn vợ chồng chị anh Dương Quốc V và chị Huỳnh Thị Khánh L chịu án phí là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo lai thu số 0004694 ngày 25/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên cho chị Lê Kim L.

3/. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Lê Kim L và bị đơn chị Huỳnh Thị Khánh L có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Dương Quốc V vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu (Dương).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chon